

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨ THƯ'
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2018/HSST

Ngày: 30/11/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ' - TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thoan

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thu Hiền

2. Bà Đoàn Hải Yên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim - Thư ký tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 78/2018/TLST- HS ngày 16 tháng 11 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2018/QĐXXST- HS ngày 19 tháng 11 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Minh H, sinh ngày 16 tháng 12 năm 1982; Nơi cư trú trú: Thôn T, xã N, huyện V, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1964; Bị cáo có vợ là Lê Thị P, sinh năm 1991; Có 01 con sinh năm 2014.

Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 05/10/2018, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình, *trích xuất có mặt tại phiên tòa.*

*** Người bị hại:** Cháu **Phạm Thị Minh C**, sinh ngày 06/01/2001

Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện V, tỉnh Thái Bình (*vắng mặt*)

* *Người đại diện theo pháp luật của người bị hại:* Anh **Phạm Đức S**, sinh năm 1971

Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện V, tỉnh Thái Bình (*vắng mặt*)

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh **Bùi Văn H**, sinh năm 1980 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: Thôn V, xã X, huyện T, tỉnh Thái Bình;

+ Anh **Trần Trung Đ**, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn V, xã X, huyện T, tỉnh Thái Bình (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do mắc nghiện ma túy và cần có tiền tiêu xài cá nhân nên khoảng 12 giờ ngày 06/9/2018, Nguyễn Minh H thấy cửa nhà anh Phạm Đức S, sinh năm 1971 ở cùng thôn không khóa thấy gian phòng khách có 01 xe máy điện nhãn hiệu MOMENTIUM 133S, màu sơn đen trắng, biển đăng ký MĐ2 – 030.71 trị giá 4.000.000đồng của cháu Phạm Thị Minh C, sinh ngày 06/6/2001(con gái của anh S), đầu xe hướng vào trong, chìa khóa còn cắm ổ khóa. H vào trong nhà lấy áo chống nắng màu đen và đội mũ bảo hiểm màu xanh tím than có sẵn trong giỏ xe rồi dùng chân phải gạt chân chống xe, tay trái cầm tay lái, tay phải cầm yên xe đẩy vòng sang bên phải dắt xe ra cửa. H bật chìa khóa điện điều khiển xe đến nhà thờ H ở thôn T, xã N, huyện V dựng xe ở sân rồi đi bộ đến nhà Vũ Văn D, sinh năm 1986, ở cùng thôn nhờ D đem đi bán. Khi đến hải nói với D: “ *tao lấy được xe máy điện ở trong làng đang để ở nhà thờ, nhưng chưa dám bán, xe này hình như có giấy tờ mới bán được, mày có chỗ nào bán không*”, D đáp: “ *Thiếu gì chỗ bán*”, H liền nói “*Vậy thì đi*”. H dặn D: “ *xe tao đang để trong nhà thờ H, chìa khóa vẫn cắm ở ổ, mày ra lấy rồi tao về nhà lấy xe máy đi với mày tìm chỗ bán*” . H và D mang xe máy điện đến cửa hàng sửa chữa xe máy H ở thôn V, xã T, huyện V bán. H đứng ngoài, D vào trong gặp anh Bùi Văn H, sinh năm 1980, là chủ cửa hàng xe để bán xe. Anh H hỏi D giấy tờ xe, D trả lời “ *Xe của thằng em nó cấm mất đăng ký rồi, nhà bảo bán đi* ”. D và anh H thỏa thuận mua bán xe máy điện với giá 2.400.000đồng. D đưa cho H 1.900.000đồng, số tiền 500.000đồng. H chở D lên thành phố T, D sử dụng 400.000 đồng mua ma túy và cùng H sử dụng tại thành phố T và 100.000 đồng đổ xăng. Sau khi sử dụng ma túy xong H đưa D 700.000 đồng, số tiền còn lại H chi tiêu cá nhân hết.

Anh H sau khi mua xe của D đã bán lại cho anh Trần Trung Đ, sinh năm 1984, cư trú tại thôn V, xã X, huyện T, tỉnh Thái Bình với giá 5.000.000đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo H đã khai nhận hành vi phạm tội như trên.

Kết luận định giá tài sản số 30/KLHD ngày 21/9/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Vũ Thư kết luận: 01 xe máy điện biển kiểm soát 17M2-03071, số khung DGPJFDP10482, số máy 8V4500W100481, xe đã qua sử dụng có giá trị tại thời điểm mất trộm là 4.000.000đồng (*Bốn triệu đồng*).

Lời khai của người liên quan: anh Bùi Văn H, sinh năm 1980, trú tại: thôn V, xã X, huyện T, tỉnh Thái Bình; anh Trần Trung Đ, sinh năm 1984, cư trú tại thôn V, xã X, huyện T, tỉnh Thái Bình; Lời khai của bị can Vũ Văn D đều thể hiện như lời khai của bị cáo.

Bản cáo trạng số 81/CT-VKSVT ngày 15/11/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình truy tố đối với bị cáo Nguyễn Minh H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s, h, i khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, đề nghị xử phạt bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 05/10/2018.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền với các bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại chiếc xe máy điện, không yêu cầu bồi thường gì thêm. Anh Bùi Văn H là người đã mua chiếc xe máy điện của Vũ Văn D với giá 2.400.000đồng, sau đó anh H bán chiếc xe này cho anh Trần Trung Đ với giá 5.000.000đồng. Anh Đ và anh H không yêu cầu gì về trả số tiền mua bán chiếc xe máy điện. Vì vậy không đặt ra giải quyết.

- Vật chứng của vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vũ Thư đã trả lại cho cháu Phạm Thị Minh C chiếc xe máy điện biển kiểm soát 17MĐ2-03071, số khung DGPJFDP10482, số máy 8V4500W100481.

Đề nghị tịch thu số tiền 2.400.000đồng là số tiền mà bị cáo H và Vũ Văn D đã bán chiếc xe máy điện do trộm cắp mà có để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Đối với bị can Vũ Văn D, hiện đã bỏ trốn, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình đã ra quyết định truy nã và quyết định tách vụ án với hành vi: Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, khi nào bắt được bị can D sẽ xử lý sau.

- Anh Bùi Văn H và anh Trần Trung Đ là người đã mua bán chiếc xe máy điện. Anh H và anh Đ không biết chiếc xe trên là do H trộm cắp mà có, vì vậy không có cơ sở xử lý.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đã nhận thức được sai phạm. Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội.

Trong phần tranh luận bị cáo không bổ sung gì thêm, không tranh luận với Kiểm sát viên. Bị cáo thừa nhận việc truy tố và đưa bị cáo ra xét xử là đúng người, đúng tội, không oan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng

Quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vũ Thư, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Các căn cứ buộc tội bị cáo:

Xét thấy, lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Minh H tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và phù hợp với những tài liệu chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án như: Lời khai của bị can Vũ Văn D, lời khai của người bị hại, người đại diện của người bị hại, lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vũ Thư lập hồi 19 giờ ngày 17/9/2018 tại gia đình anh Trần Trung Đ, sinh năm 1984, cư trú tại thôn V, xã X, huyện T, tỉnh Thái Bình, Biên bản xác định hiện trường và sơ đồ hiện trường do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vũ Thư lập tại thôn T, xã N, huyện V, tỉnh Thái Bình hồi 08 giờ ngày 18/9/2018, Kết luận định giá tài sản số 30/KLHD ngày 21/9/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Vũ Thư.

Hành vi của bị cáo là nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản. Bị cáo đã trưởng thành, có năng lực trách nhiệm hình sự đầy đủ, nhận thức rõ được việc lợi dụng sơ hở của gia đình anh Phạm Đức S để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật,

nhưng vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo trực tiếp chuyển dịch tài sản của người bị hại ra khỏi vùng kiểm soát và quản lý của người bị hại, trực tiếp nhờ và hỗ trợ cho Vũ Văn D đem tài sản trộm cắp được đi tiêu thụ và hưởng lợi bất hợp pháp từ việc tiêu thụ tài sản trộm cắp.

Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Hành vi của bị cáo Nguyễn Minh H trộm cắp 01 xe máy điện biển kiểm soát 17M2-03071, số khung DGPJFDP10482, số máy 8V4500W100481, xe đã qua sử dụng có giá trị tại thời điểm mất trộm là 4.000.000đồng của người bị hại là cháu Phạm Thị Minh C đã phạm vào tội: “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015.

[3] Đánh giá về tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo:

Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Minh H là nguy hiểm cho xã hội bởi hành vi đó đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội. Bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản bằng thủ đoạn tinh vi là mặc áo chống nắng và đội mũ bảo hiểm của chính người bị hại có sẵn ở giỏ xe để nhằm đánh lừa chủ quản lý tài sản và dễ dàng tẩu thoát. Hành vi của bị cáo đã gây tâm lý lo lắng cho chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản và tạo sự hoang mang trong quần chúng nhân dân. Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt bị cáo Nguyễn Minh H một hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo; cần buộc bị cáo phải cách ly xã hội một thời gian nhất định mới đủ để giáo dục và cải tạo bị cáo thành người có ích cho xã hội và đáp ứng được yêu cầu đấu tranh với tội phạm trong xã hội hiện nay.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xét đến nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, thì thấy: Bị cáo là đối tượng nghiện ma túy. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn. Vì vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm i, h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về mức hình phạt và biện pháp chấp hành hình phạt:

Căn cứ vào hành vi phạm tội của bị cáo, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: cần xử phạt bị cáo một mức án như đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa là phù hợp.

*** Về hình phạt bổ sung:** Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định: *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng”*.

Xét thấy bị cáo là đối tượng nghiện, không có công việc ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là cháu Phạm Thị Minh C và người đại diện cho bị hại là anh Phạm Đức S đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì khác về dân sự. Anh Bùi Văn H là người đã mua chiếc xe máy điện của Vũ Văn D với giá 2.400.000đồng, sau đó anh H bán chiếc xe này cho anh Trần Trung Đ với giá 5.000.000đồng. Anh Đ và anh H không yêu cầu gì về trả số tiền mua bán chiếc xe máy điện. Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[7] Về vật chứng, xử lý vật chứng:

- 01 xe máy điện biển kiểm soát 17MĐ2-03071, số khung DGPJFDP10482, số máy 8V4500W100481 là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của cháu Phạm Thị Minh C, người đại diện hợp pháp là anh Phạm Đức S. Xét thấy không cần thiết tiếp tục quản lý, Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình đã trả lại chiếc xe máy điện biển kiểm soát 17M2-03071, số khung DGPJFDP10482, số máy 8V4500W100481(*Biên bản trả lại đồ vật, tài liệu ngày 23/10/2018*).

Xét thấy việc xử lý vật chứng phù hợp với khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Đối với số tiền 2.400.000đồng là số tiền mà bị cáo H và Vũ Văn D đã bán chiếc xe máy điện do trộm cắp mà có. Số tiền này bị cáo Hải và Vũ Văn D đã chia nhau để cùng hưởng lợi. Xét đây là khoản thu lợi bất chính từ việc phạm tội, nên cần áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước. Do Vũ Văn D hiện nay đang bỏ trốn nên cần buộc bị cáo Nguyễn Minh H phải có nghĩa vụ nộp lại toàn bộ số tiền 2.400.000đ để sung vào ngân sách nhà nước. Bị cáo Nguyễn Minh H có quyền yêu cầu Vũ Văn D liên đới chịu trách nhiệm về số tiền này khi xét thấy cần thiết.

[8] Các vấn đề khác:

* Đối với bị can Vũ Văn D, hiện đã bỏ trốn, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình đã ra quyết định truy nã và quyết định tách vụ án với hành vi: Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, khi nào bắt được Vũ Văn D sẽ xử lý sau là phù hợp.

* Anh Bùi Văn H, sinh năm 1980, cư trú tại thôn V, xã X, huyện T, tỉnh Thái Bình là người đã mua chiếc xe máy điện do bị cáo H trộm cắp. Anh H đã bán lại chiếc xe này cho anh Trần Trung Đ, sinh năm 1984, cư trú tại thôn V, xã X, huyện T, tỉnh

Thái Bình với giá 5.000.000đồng. Anh H và anh Đ đều không biết chiếc xe trên là do bị cáo H trộm cắp mà có, vì vậy không có cơ sở xử lý anh H và anh Đ về tội “ Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

[9] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Minh H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Bị cáo, người bị hại, người đại diện hợp pháp của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có 15 ngày kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i, h, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh H 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 05/10/2018.

3. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là cháu Phạm Thị Minh C, sinh ngày 06/6/2001 trú tại thôn T, xã N, huyện V, tỉnh Thái Bình đã nhận lại chiếc xe máy điện, không có đề nghị gì khác về trách nhiệm dân sự nên không đặt ra giải quyết.

4. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Chấp nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vũ Thư đã trả lại cho cháu Phạm Thị Minh C, sinh ngày 06/6/2001, địa chỉ: thôn T, xã N, huyện V, tỉnh Thái Bình (người đại diện hợp pháp cho cháu C là anh Phạm Đức S, sinh năm 1971, cùng địa chỉ với cháu C) 01 xe máy điện (*có đặc điểm như biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu*).

- Buộc bị cáo Nguyễn Minh H phải có nghĩa vụ nộp lại toàn bộ số tiền 2.400.000đ là khoản thu lợi bất chính từ việc phạm tội để sung vào ngân sách nhà nước. Bị cáo Nguyễn Minh H có quyền yêu cầu Vũ Văn D liên đới chịu trách nhiệm về số tiền này khi xét thấy cần thiết.

5. Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo Nguyễn Minh H phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo đối với Bản án: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Án xử công khai, sơ thẩm. Có mặt bị cáo, báo cho biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 30/11/2018.

Vắng mặt người bị hại và đại diện người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Báo cho biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Vũ Thư;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện Vũ Thư;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan THA án hình sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũ Thư;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Bị cáo, người bị hại, đại diện người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Ủy ban nhân dân xã N, huyện V, tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ, HC-TP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

- VKSND tỉnh Thái Bình;
VKSND huyện Vũ Thư;

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Vũ Thư;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện Vũ Thư;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan THA án hình sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũ Thư;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Bị cáo, người bị hại;
- Ủy ban nhân dân xã Minh Lăng, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ, HC-TP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Vũ Thư;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện Vũ Thư;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan THA án hình sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũ Thư;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Bị cáo, người bị hại;
- Ủy ban nhân dân xã Nguyên Xá, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ, HC-TP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

